

CHƯƠNG III

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÁP LUẬT

NỘI DUNG

2

- Phần 1. Các trường phái triết học pháp luật
- Phần 2. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của pháp luật
- Phần 3. Nguồn của pháp luật

PHẦN 1

CÁC TRƯỜNG PHÁI TRIẾT HỌC PHÁP LUẬT

NỘI DUNG CHÍNH

4

- Phương Đông
- Phương Tây

Phương Đông

5

- Trường phái Nho gia
- Trường phái Pháp gia

Phương Tây

6

Trường phái luật tự nhiên

- Luật tự nhiên đã được biết đến từ thời cổ đại. Nó gắn liền với những quy luật hợp lý của tự nhiên mà mọi sinh vật đều phải tuân theo. Luật tự nhiên là: mong muốn của con người bảo vệ tính mạng và tài sản của mình, kết hôn, sinh con, chăm sóc chúng... Đây là giai đoạn đầu tiên trong quá trình phát triển của luật tự nhiên.
- Giai đoạn thứ hai trong quá trình phát triển luật tự nhiên bắt nguồn từ thời Trung cổ, khi luật tự nhiên nhận được cách giải thích thần học, đặc biệt là trong những lời giảng dạy của Thomas Aquinas.
- Giai đoạn thứ ba bao gồm thế kỷ 17 - 18, khi luật tự nhiên bắt đầu gắn liền với các quyền và tự do của con người, như bản chất thuộc về con người.
- Và cuối cùng, giai đoạn thứ tư được chứng minh, đặc trưng bởi sự lan rộng trong thế kỷ 20 cái gọi là luật tự nhiên được hồi sinh.

Phương Tây

7

Trường phái luật thực chứng

Luật được xem như một hệ thống các quy tắc điều chỉnh hành vi của con người, xuất phát từ nhà nước và được nhà nước bảo vệ. Sự hiểu biết pháp luật chuẩn mực dựa trên lý thuyết về luật thực chứng. Quyền lực nhà nước là nguồn của pháp luật. Một người có các quyền do được quy định trong các hành vi của nhà nước chứ không phải do bản chất của anh ta. Do đó, chỉ có những chuẩn mực của pháp luật mới là pháp luật thực sự.

Lưu ý

8

- Trường phái xã hội học pháp luật: “Pháp luật là một hiện tượng của văn hóa và văn minh”
- Mỗi trường phái pháp luật này đều có cơ sở riêng và tính hợp lý nhất định.
- Các cách tiếp cận đạo đức (triết học) và xã hội học đối với luật hình thành nên cái gọi là hiểu biết rộng về luật, và hiểu biết mang tính quy phạm - hiểu biết hẹp.

PHẦN 2

KHÁI NIỆM, ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT

NỘI DUNG CHÍNH

10

- Khái niệm
- Đặc trưng cơ bản

Khái niệm

11

Pháp luật là tổng thể các quy tắc xử sự do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và đảm bảo thực hiện, thể hiện ý chí của nhà nước và phản ánh những nhu cầu xã hội khách quan, điển hình, phổ biến để điều chỉnh các quan hệ xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, phù hợp với lý trí, lẽ công bằng, với các quyền tự nhiên của con người, thông qua việc kiểm nghiệm từ trong thực tiễn.

Đặc trưng cơ bản

12

Tính quy phạm phổ biến

- Quy tắc xử sự chung: khuôn mẫu, chuẩn mực, mô hình của hành vi, của xử sự.
- Phổ biến: có hiệu lực đối với mọi cá nhân, tổ chức trong phạm vi cả nước.
- Có thể điều chỉnh rất nhiều quan hệ xã hội.
- Được áp dụng nhiều lần về không gian và thời gian.

Đặc trưng cơ bản

13

Tính hệ thống

- ❖ Các quy định của pháp luật có mối quan hệ, thống nhất với nhau tạo nên pháp luật quốc gia.
- ❖ Bắt nguồn từ tính thống nhất của quyền lực nhà nước, tính thứ bậc của các chủ thể ban hành pháp luật.

Đặc trưng cơ bản

14

Tính xác định về hình thức của pháp luật

- ✓ Nội dung của pháp luật luôn được thể hiện thông qua các hình thức nhất định, ví dụ: văn bản QPPL, luật tập quán, án lệ.
- ✓ Nội dung các quy phạm pháp luật cần được thể hiện bằng ngôn ngữ pháp lý, cụ thể, chính xác, rõ ràng, đơn nghĩa và có khả năng áp dụng trực tiếp.

Đặc trưng cơ bản

15

Tính được đảm bảo thực hiện bởi nhà nước

- Là đặc trưng cơ bản của pháp luật. Chỉ có pháp luật mới có tính cưỡng chế, được nhà nước đảm bảo thực hiện bằng nhiều hình thức, biện pháp khác nhau.
- Pháp luật là chuẩn mực được ưu tiên trong ứng xử xã hội.
- Quy phạm pháp luật có tính mệnh lệnh (cho phép, bắt buộc, cấm).

PHẦN 3

NGUỒN CỦA PHÁP LUẬT

NỘI DUNG CHÍNH

17

- Khái niệm
- Các nguồn cơ bản của pháp luật
- Các loại nguồn khác của pháp luật

Khái niệm

18

Nguồn của pháp luật là tất cả các **yếu tố chứa đựng** hoặc **căn cứ** được các chủ thể có thẩm quyền sử dụng làm cơ sở để xây dựng, ban hành, giải thích pháp luật cũng như để áp dụng vào giải quyết các vụ việc pháp lý xảy ra trong thực tế.

Các nguồn cơ bản

19

- ❖ Văn bản QPPL
- ❖ Luật tập quán
- ❖ Án lệ

Các nguồn cơ bản

20

Văn bản QPPL

Là gì ? (trang 98)

Tại sao đây được xem là nguồn quan trọng hàng đầu của pháp luật ?

Vị trí của nó trong hệ thống pháp luật Việt Nam ?

Các loại VB QPPL ở Việt Nam ? Cơ sở pháp lý ?

(Điều 4 Luật Ban hành VB QPPL 2015)

Các nguồn cơ bản

21

Luật tập quán

Là gì ? quy tắc bắt buộc, thói quen lâu đời, yếu tố cộng đồng.

Tại sao đây được xem là một nguồn hỗ trợ, có giá trị lập pháp bổ sung ?

Để một tập quán trở thành luật tập quán ?

Các nguồn cơ bản

22

Luật tập quán

Vị trí của luật tập quán trong pháp luật Việt Nam:

Được thừa nhận khi nào ? Khi nào áp dụng ?

Khái niệm tại Việt Nam (trang 103).

Hai con đường áp dụng tập quán như một nguồn của pháp luật ở Việt Nam.

Các nguồn cơ bản

23

Án lệ

- Là gì ? (Trang 105)
- Nhiệm vụ của án lệ ? Vị trí của nó trong các nguồn của pháp luật ?
- Khái niệm tại Việt Nam (trang 108)
- Đặc trưng của án lệ tại Việt Nam.

Các nguồn khác

24

- ❖ Các quan niệm về lẽ công bằng, chuẩn mực đạo đức xã hội
- ❖ Điều ước quốc tế
- ❖ Các quan điểm, tư tưởng, học thuyết của các nhà khoa học pháp lý
- ❖ Hợp đồng
- ❖ Pháp luật nước ngoài
- ❖ Tín điều tôn giáo
- ❖ Đường lối, chính sách của lực lượng cầm quyền

Các nguồn khác

25

Các quan niệm về lẽ công bằng, chuẩn mực đạo đức xã hội

Đây là nguồn bổ trợ quan trọng.

Lưu ý: Quy định của pháp luật dân sự Việt Nam về lẽ công bằng.

Các nguồn khác

26

Điều ước quốc tế

Xem Luật Điều ước quốc tế.

Đây là nguồn luật cơ bản của pháp luật quốc tế.

Vai trò, vị trí của điều ước quốc tế đối với pháp luật

Việt Nam ?

Các nguồn khác

27

**Các quan điểm, tư tưởng, học thuyết của các nhà
khoa học pháp lý**

Đây là thông lệ phổ biến ở các nước phương Tây.

Các nguồn khác

28

Hợp đồng

Trong giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự, thỏa thuận giữa các bên được ưu tiên giải quyết trước; sau đó mới đến các nguồn khác.

Các nguồn khác

29

Pháp luật nước ngoài

Xuất hiện trong trường hợp dẫn chiếu pháp luật nước ngoài để điều chỉnh các quan hệ pháp luật có yếu tố nước ngoài.

Các nguồn khác

30

Tín điều tôn giáo

Thường xuất hiện ở các quốc gia có quốc giáo.

Các nguồn khác

31

Đường lối, chính sách của lực lượng cầm quyền

Pháp luật là sự thể chế hóa ý chí của giai cấp cầm quyền.

Đây là nguồn bổ trợ quan trọng.